TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 639/2024/HS-PT
Ngày: 14/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Thắng;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Thị M. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Thị M,** sinh ngày 20/11/1972; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Vũ B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng là ông Phạm Minh T (Đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Văn Vũ T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn 06 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; 02 bị cáo có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo; 150 người bị hại và 40 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án liên quan đến hành vi của bị cáo Phạm Thị M được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH X *(viết tắt là Công ty X)* thành lập ngày 21/19/2016, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh do Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 làm Giám đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty. Công ty X đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh trong đó chủ yếu là kinh doanh, buôn bán vật liệu xây dựng. Quá trình hoạt động thì Nguyễn Văn N giao việc kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng cho vợ là Hoàng Thị B1 – là kế toán trực tiếp quản lý, điều hành việc kinh doanh vật liệu xây dựng, B1 tự quyết định thực hiện việc nhập hàng từ các nhà phân phối và ký hợp đồng, giao dịch với khách hàng.

Từ năm 2016 đến năm 2019, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng diễn ra bình thường, đến năm 2020 việc kinh doanh không thuận lợi dẫn đến thua lỗ, Hoàng Thị B1 tự vay mượn tiền của nhiều cá nhân ngoài xã hội với lãi suất cao để phục vụ việc kinh doanh vật liệu xây dựng, trong đó có Phạm Thị M. Phạm Thị M đã có hành vi cho Hoàng Thị B1 vay tổng số tiền 49.510.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.432.301.370 đồng, cụ thể:

Phạm Thị M quen biết Hoàng Thị B1 từ giữa năm 2021 và biết B1 làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng. Đầu năm 2022, Hoàng Thị B1 cần tiền để trả nợ, trả lãi và cung cấp vật liệu xây dựng cho các khách hàng đã đặt tiền cọc trước đó, nên B1 đặt vấn đề vay tiền Phạm Thị M với lãi suất cao. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay tính theo ngày, lãi suất tùy thời hạn vay từ 173,8%/năm đến 1.216,67%/năm. Mỗi lần vay tiền, sau khi thỏa thuận xong, M chuyển tiền từ các tài khoản Ngân hàng số 8120169797999 thuộc Ngân hàng TMCP Q và tài khoản số 3708197299999 thuộc Ngân hàng N2 đều mang tên Phạm Thị M đến các số tài khoản 8100199734777 tại Ngân hàng M1, 52010008867777 tại Ngân hàng B2, 19035335138014 tại Ngân hàng T3 đều mang tên Hoàng Thị B1. Sau khi nhận đủ tiền, B1 gửi tin nhắn xác nhận số tiền đã vay, thời hạn vay, số tiền gốc, tiền lãi. Đến hạn B1 chuyển tiền gốc, tiền lãi trả lại cho M vào tài khoản Ngân hàng của M và M xác nhận việc đã nhận đủ tiền theo thoả thuận.

Bằng phương thức trên, từ tháng 02/2022 đến tháng 05/2022, Phạm Thị M đã 63 lần cho Hoàng Thị B1 vay lãi nặng với tổng số tiền cho vay là 49.510.000.000 đồng, lãi suất tuỳ từng lần vay dao động từ 173,80%/năm đến 1216,67%/năm, cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi B1 đã thanh toán cho M là 2.550.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 117.698.630 đồng, vì vậy xác định số tiền Phạm Thị M thu lợi bất chính là 2.432.301.370 đồng. Cụ thể như sau:

- *Lần 1:* Ngày 10/02/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 12/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi trong 03 ngày là 509.000.000 đồng. Ngày 12/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính 03 ngày vay là 9.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 821.918 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 8.178.082 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 14/02/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 16/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 816.000.000 đồng. Ngày 16/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 800.000.000 đồng cùng tiền lãi tính 03 ngày vay là 16.000.0000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.315.068 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 14.684.932 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 14/02/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 17/02/2022, B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 518.000.000 đồng. Ngày 17/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 500.000.000 đồng cùng tiền lãi tính 04 ngày vay là 18.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.095.890 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 16.904.110 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 16/02/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay 600.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 18/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 613.000.000 đồng. Ngày 18/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền lãi tính 03 ngày vay là 13.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 986.301 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 12.013.699 đồng.

Số tiền gốc 600.000.000 đồng B1 nói với M để lại tiếp tục cho B1 vay và hẹn đến ngày 24/02/2022 sẽ trả đủ tiền gốc và số tiền lãi là 30.000.000 đồng. Đến ngày 24/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 07 ngày vay là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.301.370 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 27.698.630 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 17/02/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 19/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 715.000.000 đồng. Ngày 19/02/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 700.000.000 đồng cùng tiền lãi tính 03 ngày là 15.000.000 đồng; số tiền M thu lợi bất chính là 13.849.315 đồng.

- *Lần 6:* Ngày 21/02/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 25/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 828.000.000 đồng. Ngày 25/02/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 800.000.000 đồng cùng tiền lãi tính 05 ngày vay là 28.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.191.781 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 25.808.219 đồng.

- *Lần 7:* Ngày 22/02/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay 600.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 23/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 612.000.000 đồng. Ngày 23/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 12.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 657.534 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 1.342.466 đồng.

- *Lần 8:* Ngày 23/2/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 24/02/2022 B1 phải trả cho M số

tiền gốc và lãi là 406.000.000 đồng. Ngày 24/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 6.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 438.356 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 5.561.644 đồng.

- *Lần 9:* Ngày 24/2/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 600.000.000 đồng, thoả thuận đến ngày 02/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 20.000.000 đồng. Ngày 02/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 07 ngày vay là 20.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.301.370 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 17.698.630 đồng.

- *Lần 10:* Ngày 24/2/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 25/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 412.000.000 đồng. Ngày 25/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 12.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 438.356 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 11.561.644 đồng.

- *Lần 11:* Ngày 25/2/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 28/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.038.000.000 đồng. Ngày 28/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 04 ngày vay là 38.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.191.781 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 35.808.219 đồng.

- *Lần 12:* Ngày 27/2/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận chiều cùng ngày B1 phải chuyển trả cho M số tiền gốc và lãi là 620.000.000 đồng. Đến ngày 28/02/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 01 ngày vay là 20.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 328.767 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 19.671.233 đồng.

- *Lần 13:* Ngày 28/2/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 1.100.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 04/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.138.000.000 đồng. Ngày 04/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 38.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 3.013.699 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 34.986.301 đồng.

- *Lần 14:* Ngày 01/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 590.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 02/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 600.000.000 đồng. Ngày 02/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 590.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 10.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 646.575 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 9.353.425 đồng.

- *Lần 15:* Ngày 02/3/2022, M chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho B1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 06/3/2022 B1 phải trả cho M số

tiền gốc và lãi là 834.000.000 đồng. Ngày 06/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 34.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.191.781 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 31.808.219 đồng.

- *Lần 16:* Ngày 04/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, hẹn đến ngày 08/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.036.000.000 đồng. Đến ngày 08/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M 1.000.000.000 đồng tiền gốc cùng với tiền lãi tính 05 ngày vay là 36.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.739.726 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 33.260.274 đồng.

- *Lần 17:* Ngày 04/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 05/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 406.000.000 đồng. Đến ngày 05/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 6.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 438.356 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 5.561.644 đồng.

- *Lần 18:* Ngày 07/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 850.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 11/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 890.000.000 đồng. Đến ngày 11/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 850.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.328.767 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 37.671.233 đồng.

- *Lần 19:* Ngày 08/3/2022, M chuyển khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 12/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.040.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.739.726 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 37.260.274 đồng.

- *Lần 20:* Ngày 09/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 số tiền 600.000.000 đồng, thoả thuận vay trong 01 ngày B1 phải trả cho M số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Cùng ngày, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 01 ngày vay là 10.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 328.767 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 9.671.233 đồng.

- *Lần 21:* Ngày 10/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thoả thuận đến ngày 11/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 406.000.000 đồng. Đến ngày 11/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tính 02 ngày vay là 6.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 438.356 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 5.561.644 đồng.

- *Lần 22:* Ngày 11/3/2022, M chuyển khoản cho B1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thoả thuận đến ngày 15/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc

và 60.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 15/3/2022, B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi tính 05 ngày vay là 60.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 3.287.671 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 56.712.329 đồng.

- *Lần 23:* Ngày 13/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thoả thuận đến ngày 14/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 10.000.000 đồng. Ngày 14/3/2022 B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 10.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 876.712 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 9.123.288 đồng.

- *Lần 24:* Ngày 14/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 16/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 515.000.000 đồng. Ngày 16/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M 500.000.000 đồng là tiền gốc, tiền lãi tính 03 ngày vay là 15.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 821.918 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 14.178.082 đồng.

- *Lần 25:* Ngày 15/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thoả thuận đến ngày 19/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.048.000.000 đồng. Ngày 19/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M 1.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính 05 ngày vay là 48.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.739.726 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 45.260.274 đồng.

- *Lần 26:* Ngày 17/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 19/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 718.000.000 đồng. Ngày 19/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho cho M 700.000.000 đồng là tiền gốc, còn tiền lãi tính 03 ngày vay là 18.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.150.685 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 16.849.315 đồng.

- *Lần 27:* Ngày 19/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 23/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.048.000.000 đồng. Ngày 23/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho cho M 1.000.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi tính 05 ngày vay là 48.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.739.726 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 45.260.274 đồng.

- *Lần 28:* Ngày 20/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thoả thuận ngày 22/3/2022 B1 phải chuyển trả cho M số tiền gốc và lãi là 929.000.000 đồng. Ngày 22/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho cho M 900.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi tính 03 ngày vay là 29.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.479.452 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 27.520.548 đồng.

- *Lần 29:* Ngày 22/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thoả thuận đến ngày 25/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc

và lãi là 929.000.000 đồng. Ngày 25/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho cho M 900.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi tính 04 ngày vay là 29.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.972.603 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 27.027.397 đồng.

- *Lần 30:* Ngày 24/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 29/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi 954.000.000 đồng. Ngày 29/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính 06 ngày vay là 54.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.958.904 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 51.041.096 đồng.

- *Lần 31:* Ngày 25/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 28/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.029.000.000 đồng. Ngày 28/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M 1.000.000.000 đồng là tiền gốc, tiền lãi tính 04 ngày vay là 29.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.191.781 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 26.808.219 đồng.

- *Lần 32:* Ngày 28/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 29/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 811.000.000 đồng. Ngày 29/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 11.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 876.712 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 10.123.288 đồng.

- *Lần 33:* Ngày 29/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 30/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 507.000.000 đồng. Ngày 30/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 7.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 547.945 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 6.452.055 đồng.

- *Lần 34:* Ngày 30/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 03/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.032.000.000 đồng. Ngày 03/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M cho M tiền lãi tính 05 ngày vay là 32.000.000 đồng, sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.739.726 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 29.260.274 đồng. Số tiền gốc B1 và M thoả thuận đến ngày 07/4/2022 M sẽ trả tiền gốc và số tiền lãi là 32.000.000 đồng. Ngày 07/4/022, B1 chuyển trả cho M số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng cùng với tiền lãi 05 ngày vay là 32.000.000 đồng, sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.739.726 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 29.260.274 đồng.

- *Lần 35:* Ngày 30/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 31/3/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 620.000.000 đồng. Ngày 31/3/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 20.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 657.534 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi

bất chính là 19.342.466 đồng.

- *Lần 36:* Ngày 31/3/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 02/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 620.000.000 đồng. Ngày 02/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 03 ngày vay là 20.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 986.301 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 19.013.699 đồng.

- *Lần 37:* Ngày 01/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận tối cùng ngày B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 504.000.000 đồng. Tối cùng ngày, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính 01 ngày vay là 4.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 273.973 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 3.726.027 đồng.

- *Lần 38:* Ngày 03/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 06/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 840.000.000 đồng. Ngày 06/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tính 04 ngày vay là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.753.425 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 38.246.575 đồng.

- *Lần 39:* Ngày 03/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 05/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 918.000.000 đồng. Ngày 05/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính 03 ngày vay là 18.000.000 đồng Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.479.452 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 16.520.548 đồng.

- *Lần 40:* Ngày 06/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 07/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 608.000.000 đồng. Ngày 07/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 8.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 657.534 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 7.342.466 đồng.

- *Lần 41:* Ngày 06/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 09/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 315.000.000 đồng. Ngày 09/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính 04 ngày vay là 15.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 657.534 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 14.342.466 đồng.

- *Lần 42:* Ngày 07/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.170.000.000 đồng, thỏa thuận chiều cùng ngày B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.185.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.170.000.000 đồng và tiền lãi tính 01 ngày vay là 15.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 641.096 đồng, vì vậy số tiền M

thu lợi bất chính là 14.358.904 đồng.

- *Lần 43:* Ngày 08/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 12/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.037.000.000 đồng. Ngày 12/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 37.000.000 đồng; số tiền M thu lợi bất chính là 34.260.274 đồng.

- *Lần 44:* Ngày 10/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 12/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 930.000.000 đồng. Ngày 12/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính 03 ngày vay là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.479.452 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 28.520.548 đồng.

- *Lần 45:* Ngày 12/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 16/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 940.000.000 đồng. Ngày 16/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.465.753 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 37.534.247 đồng.

- *Lần 46:* Ngày 12/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 14/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 618.000.000 đồng. Ngày 14/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính 03 ngày vay là 18.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 986.301 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 17.013.699 đồng.

- *Lần 47:* Ngày 13/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận cùng ngày B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 708.000.000 đồng. Cùng ngày, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính 01 ngày vay là 8.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 383.562 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 7.616.438 đồng.

- *Lần 48:* Ngày 14/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 19/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.070.000.000 đồng. Ngày 19/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 06 ngày vay là 70.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 3.287.671 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 66.712.329 đồng.

- *Lần 49:* Ngày 17/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 20/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.480.000.000 đồng. Ngày 26/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền lãi tính 04 ngày vay là 80.000.000 đồng, sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 3.068.493 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 76.931.507 đồng. Số tiền gốc B1 chưa trả nên thỏa thuận đến ngày 28/4/2022 B1 phải trả đủ

gốc và lãi là 1.480.000.000 đồng. Đến ngày 28/4/2022 B1 đã chuyển khoản trả cho M tiền lãi tính 03 ngày là 80.000.000 đồng, sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.301.370 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 77.698.630 đồng.

Theo thỏa thuận thì M tiếp tục chuyển khoản cho B1 vay thêm 100.000.000 đồng, thành khoản vay mới là 1.500.000.000 đồng thỏa thuận đến ngày 04/5/2022 B1 sẽ trả đủ gốc và tiền lãi 85.000.000 đồng. Đến ngày 04/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính 06 ngày vay là 85.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 4.931.507 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 80.068.493 đồng.

- *Lần 50:* Ngày 19/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 20/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.020.000.000 đồng. Ngày 26/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 20.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.095.890 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 18.904.110 đồng.

- *Lần 51:* Ngày 26/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 28/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.030.000.000 đồng. Ngày 28/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính 03 ngày vay là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.643.836 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 28.356.164 đồng.

- *Lần 52:* Ngày 26/4/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 27/4/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 520.000.000 đồng. Ngày 27/4/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 20.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 547.945 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 19.452.055 đồng.

- *Lần 53:* Ngày 19/02/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 21/02/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.228.000.000 đồng. Tuy nhiên thực tế ngày 21/02/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính 03 ngày vay là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.972.603 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 28.027.397 đồng.

- *Lần 54:* Ngày 04/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 08/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 955.000.000 đồng. Ngày 08/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 55.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.465.753 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 52.534.247 đồng.

- *Lần 55:* Ngày 05/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 06/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và

lãi là 530.000.000 đồng. Ngày 06/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 547.945 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 29.452.055 đồng.

- *Lần 56:* Ngày 06/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 09/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.300.000.000 đồng. Ngày 09/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính 04 ngày vay là 100.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.630.137 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 97.369.863 đồng.

- *Lần 57:* Ngày 07/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 10/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 760.000.000 đồng. Ngày 10/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền lãi tính 04 ngày vay là 60.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.534.247 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 58.465.753 đồng.

- *Lần 58:* Ngày 09/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 10/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 740.000.000 đồng. Ngày 10/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền lãi tính 02 ngày vay là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 767.123 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 39.232.877 đồng.

- *Lần 59:* Ngày 10/5/2022 số tiền gốc của lần 57 và 58 gộp lại thành khoản vay 1.400.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 1.600.000.000 đồng. Đến ngày 16/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng cùng với tiền lãi là 200.000.000 đồng tính 07 ngày vay, số tiền gốc còn lại đang nợ là 400.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 5.369.863 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 194.630.137 đồng.

- *Lần 60:* Ngày 11/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận trong ngày 11/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 720.000.000 đồng. Cùng ngày 11/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính 01 ngày vay là 20.000.000 đồng; Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 383.562 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 19.616.438 đồng.

- *Lần 61:* Ngày 08/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 900.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 16/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 988.000.000 đồng. Ngày 16/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính 09 ngày vay là 88.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 4.438.356 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 83.561.644 đồng.

- *Lần 62:* Ngày 16/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 2.000.000.000 đồng cùng với 400.000.000 đồng đang nợ tại lần 59, như vậy tổng

số tiền B1 vay của M là 2.400.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 18/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 2.750.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 20/5/2022 B1 mới chuyển khoản trả cho M số tổng số tiên là 2.750.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi tính 05 ngày vay là 350.000.000 đồng). Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 6.575.342 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 343.424.658 đồng.

- *Lần 63*: Ngày 16/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 17/5/2022 B1 phải trả cho M số tiền gốc và lãi là 740.000.000 đồng. Ngày 17/5/2022, B1 chuyển khoản trả cho M số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính 02 ngày vay là 40.000.000 đồng. Sau khi trừ phần lãi suất theo quy định (20%/năm) là 767.123 đồng, vì vậy số tiền M thu lợi bất chính là 39.232.877 đồng.

Ngoài ra, ngày 22/5/2022, M chuyển vào tài khoản cho B1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 23/5/2022 B1 phải chuyển trả cho M số tiền gốc và lãi là 750.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó B1 đã chiếm đoạt khoản tiền này và đến nay B1 chưa trả cho M.

Với hành vi trên, tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-P2, ngày 17 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Phạm Thị Mai về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, ngoài ra, Cáo trạng còn truy tố các bị cáo khác trong vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị M 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phạm Thị M 60.000.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Thị B1, Hoàng Thị Thu T2, Đinh Thị O, Trần Đức C, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H1, Lê Thị H2; quyết định về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo, giải thích về chế định án treo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2023, bị cáo Phạm Thị M có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền.

Ngày 10/10/2023, bị cáo Nguyễn Đức Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại do Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm và không thu được tiền khắc phục cho bị hại.

Ngày 08/10/2023, bị cáo Lê Thị H2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh đối với bị cáo.

Ngày 09/10/2023, bị hại là ông Văn Vũ T1 có đơn kháng cáo một phần bản án về việc bỏ lọt tội phạm.

Đến ngày 18/7/2024, các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Lê Thị H2 cùng có văn

bản về việc rút toàn bộ kháng cáo, xét việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, không bị ai ép buộc, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Lê Thị H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị M giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền.

Bị hại là ông Văn Vũ T1 giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với ông Nguyễn Văn N với với vai trò là Giám đốc Công ty X, là chồng của bị cáo Hoàng Thị B1 đã có hành vi giúp sức cho bị cáo B1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị M về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc, xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo nhằm đảm bảo sự công bằng khi so sánh tính chất, mức độ hành vi của bị cáo M và các bị cáo khác trong vụ án.

Đối với kháng cáo của bị hại Văn Vũ T1 về việc bỏ lọt tội phạm, quá trình điều tra đã xác định mặc dù ông Nguyễn Văn N là Giám đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty X nhưng quá trình Công ty hoạt động, ông Nguyễn Văn N đã giao việc kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng cho vợ là Hoàng Thị B1 - là kế toán trực tiếp quản lý, điều hành việc kinh doanh vật liệu xây dựng, B1 tự quyết định thực hiện việc nhập hàng từ các nhà phân phối và ký hợp đồng, giao dịch với khách hàng. Việc Hoàng Thị B1 có thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại thì ông N không được biết và không được B1 bàn bạc, trao đổi. Do đó, không có cơ sở xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn N. Bị hại Văn Vũ T1 trong trường hợp có tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của ông Nguyễn Văn N (nếu có) thì có quyền tiếp tục kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn N. Do bị cáo Hoàng Thị B1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới. Do đó, kháng cáo của bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên

cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị M, Nguyễn Đức Đ, Lê Thị H2 và bị hại Văn Vũ T1 trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Ngày 18/7/2024, các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Lê Thị H2 cùng có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Lê Thị H2.

[1.4]. Bị hại có kháng cáo là ông Văn Vũ T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có cơ sở xác định việc bị hại Văn Vũ T1 vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị hại Văn Vũ T1.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị M tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, ngoài ra còn phù hợp và thống nhất với lời khai của các bị cáo Hoàng Thị B1, Hoàng Thị Thu T2, Đinh Thị O, Trần Đức C, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H1, Lê Thị H2, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp, có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích thu lợi bất chính nên Phạm Thị M đã cho Hoàng Thị B1 vay tiền với lãi suất cao, vượt quá 05 lần theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022, Phạm Thị M đã cho Hoàng Thị B1 vay 63 lần với tổng số tiền 49.510.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 173,80%/năm đến 1216,67%/năm, tổng tiền lãi M đã nhận là 2.550.000.000 đồng, thu lợi bất chính 2.432.301.370 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị M về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị M là nguy hiểm cho xã hội,

đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng lớn đến điều kiện kinh tế của người bị hại; không những trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, mà còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do việc trả lãi quá cao và bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Tuy nhiên, bị cáo Phạm Thị M có nhân thân tốt, bản thân chưa tiền án, tiền sự; sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính số tiền 100.000.000 đồng; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có bố mẹ đẻ được tặng thưởng huân huy chương nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 60.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm thể hiện thái độ chấp hành bản án, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo còn được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình éo le, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, thường xuyên ốm đau, nằm viện dài ngày (bệnh tiền đình mãn tính, viêm dạ dày cấp độ 4); đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, bị cáo có xuất trình Sổ tiết kiệm có số dư 400.000.000 đồng để chứng minh có đủ điều kiện để thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền nếu được xem xét. Mặt khác, bị cáo Phạm Thị M cũng chính là bị hại trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Hoàng Thị B1, bị cáo vì hám lợi và tin tưởng B1 nên đã đưa hết tài sản của mình cho B1 vay, bị cáo còn đi vay mượn, huy động tiền từ người thân, bạn bè cho B1 vay; đây là một nội dung cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị M. Do đó, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, điều kiện kinh tế của bị cáo đủ điều kiện để chấp hành hình phạt chính là phạt tiền và các quy định của pháp luật thì có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội lần đầu, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như vẫn phân hóa được hành vi, cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, có điều kiện kinh tế đủ để chấp hành hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, giúp bị cáo yên tâm tự cải tạo tại địa phương trở thành công dân có ích mà không gây nguy hại cho xã hội. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm về việc chuyển hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại là ông Văn Vũ T1, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra xác định ông Nguyễn Văn N với vai trò là Giám đốc Công ty X nhưng trên thực tế ông Nguyễn Văn N không tham gia điều hành, quản

lý Công ty mà giao toàn bộ công việc cho vợ là Hoàng Thị B1, dẫn đến việc Công ty bị vỡ nợ và Hoàng Thị B1 đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định ông Nguyễn Văn N hoàn toàn không biết việc vợ là Hoàng Thị B1 bị vỡ nợ và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, ông N cũng không tham gia, không được B1 thông tin và bàn bạc, thỏa thuận về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của Hoàng Thị B1 xuất phát từ việc B1 bị vỡ nợ, hậu quả B1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người xuất phát từ ý định cá nhân của B1, không xuất phát từ trách nhiệm quản lý Công ty của ông Nguyễn Văn N. Quá trình Hoàng Thị B1 gặp gỡ các bị hại, đưa ra những thông tin gian dối, ký kết hợp đồng với các bị hại đều không có sự tham gia của ông N và ông N cũng không có mặt tại thời điểm đó, các bị hại cũng thừa nhận việc không gặp mặt ông N. Hoàng Thị B1 đã tự ý sử dụng chữ ký của ông N, sử dụng con dấu của Công ty để đóng vào hợp đồng và các phiếu thu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn N như đề nghị của bị hại Văn Vũ T1. Về trách nhiệm dân sự, do bị cáo là người trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho 144 bị hại với tổng số tiền 101.555.931.304 đồng mà không buộc ông Nguyễn Văn N - Giám đốc Công ty X phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cùng bị cáo Hoàng Thị B1 cho các bị hại là phù hợp quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Đối với số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, quá trình điều tra đã xác định được bị cáo sử dụng để trả nợ, trả lãi, mua vật liệu trả cho khách hàng còn nợ theo hình thức lừa của người này trả cho người khác và không còn khả năng trả lại tiền cho các bị hại. Cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành xác minh tài sản của bị cáo Hoàng Thị B1, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm dừng giao dịch, chuyển nhượng đối với 16 thửa đất của vợ chồng Hoàng Thị B1, Nguyễn Văn N hoặc đứng tên người khác nhưng xác định Nguyễn Văn N có góp vốn để đảm bảo thi hành án, vì vậy quyền lợi của các bị hại phần nào đã được đảm bảo.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ông Văn Vũ T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm a, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Văn Vũ T1; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về

hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị M, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự; Phạt tiền bị cáo Phạm Thị M 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)* để sung vào Công quỹ Nhà nước về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối trừ với số tiền 60.000.000 đồng tiền phạt bổ sung bị cáo đã nộp tại Biên lai số 0000113 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, bị cáo còn phải thi hành 340.000.000đ *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)* tiền phạt để sung vào Công quỹ Nhà nước.

[2]. Án phí: Bị cáo Phạm Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ông Văn Vũ T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Phạm Thị M đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000113 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Xác nhận bị cáo Phạm Thị M đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Vụ GĐKT I – TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Công an tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Bị cáo (theo đ/c);*
- *Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);*
- *Lưu HS, P. HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Thắng